

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KIẾN NGHỊ GÓP Ý CHO DỰ THẢO SỐ 5
LUẬT BẢO VỆ PHÁT TRIỂN RỪNG SỬA ĐỔI

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội
Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường của Quốc hội;
Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
Vụ Nông nghiệp Nông thôn, Ban Kinh tế Trung ương Đảng;
Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
Vụ Pháp chế Thanh tra, Tổng cục Lâm nghiệp
Tổ thường trực xây dựng dự thảo Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng sửa đổi;

Ngày 30 tháng 5 năm 2017, Trung tâm vì Con người và Rừng (RECOFTC), Hội Chủ rừng Việt Nam (VIFORA), Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) và Trung tâm vì sự phát triển bền vững miền núi (CSDM) đã tổ chức *Hội thảo góp ý dự thảo số 5 của Luật bảo vệ và phát triển rừng sửa đổi về công nhận, kế thừa và phát huy tri thức bản địa và luật tục như một chiến lược quản lý rừng bền vững tại Hà Nội*. Mục tiêu của hội thảo là nhằm góp ý cho bản dự thảo số 5 của Luật Bảo vệ và Phát triển rừng (BVPTTR) sửa đổi cũng như cung cấp thông tin đầu vào cho các đại biểu Quốc hội và các cơ quan ban ngành có liên quan trước khi bản dự thảo này được thảo luận ở tổ vào chiều thứ tư, ngày 07/06/2017 và thảo luận ở hội trường vào sáng thứ hai, ngày 19/06/2017 tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khoá XIV. Gần 60 đại biểu là đại diện lãnh đạo Tổng cục Lâm nghiệp, đại diện Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, đại diện nhà tài trợ MRLG, các chuyên gia nghiên cứu, các tổ chức phi chính phủ có liên quan; các đại biểu đại diện cho các cộng đồng dân tộc thiểu số cùng các cơ quan truyền thông. Đặc biệt trong hội thảo lần này, gần 30 đại biểu là người dân tộc thiểu số (DTTS) như Thái đen, Thái trắng, Mông, Mường, Dao Tiền, Dao Thanh Y, Tày, Nùng, Cơ Tu, Cơ Ho, Ba Na, Xê Đăng đến từ 13 tỉnh ở miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên.

Chúng tôi xin kính chuyển đến các Quý đơn vị những góp ý được tổng hợp dựa trên kết quả thảo luận tại hội thảo trên đây và đề nghị được xem xét đưa vào Luật Bảo vệ và Phát triển rừng sửa đổi với những nội dung cụ thể sau đây:

Kiến nghị thứ nhất: Cộng đồng dân cư được sở hữu rừng và cần được đảm bảo có quyền bình đẳng như những chủ rừng khác.

Lý do: Gắn quyền lợi và trách nhiệm của cộng đồng dân cư như những chủ rừng thật sự sẽ phát huy được sức mạnh tinh thần trách nhiệm của người làm chủ. Hiệu quả bảo vệ rừng sẽ được tăng cao khi cộng đồng có cơ hội thực hành tri thức truyền thống tốt trong quản lý rừng, sử dụng thiết chế tự quản, tự giám và thành viên trong cộng đồng tuân thủ một cách nghiêm ngặt các luật tục của cha ông đã truyền lại.

Kiến nghị thứ hai: Thừa nhận và phát huy tri thức truyền thống và luật tục của cộng đồng trong công tác bảo vệ và phát triển rừng cần được coi là nguyên tắc và điều kiện cần thiết

trong phát triển rừng bền vững.

Lý do: Một thực tế chứng minh, đồng bào dân tộc thiểu số có rất nhiều các luật tục, và tri thức truyền thống trong việc sử dụng và quản lý rừng một cách bền vững: như khai thác có chọn lọc, không săn bắn con cái, không săn bắn vào mùa sinh sản; cấm khai thác tại những diện tích rừng đầu nguồn, khu vực sinh sản.

Kiến nghị thứ ba: Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng sửa đổi cần đưa nội dung không phân biệt, đặc biệt là ưu tiên khuyến khích đối tượng phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia trong lĩnh vực quản lý rừng bền vững.

Lý do: Phụ nữ, đặc biệt là đối với người dân tộc thiểu số, là những người đóng góp rất lớn vào công tác quản lý và sử dụng rừng: tham gia khai thác bền vững lâm sản ngoài gỗ, sử dụng cây thuốc, giáo dục con cái, và có quyền quyết định lớn đến việc canh tác nương rẫy.

Kiến nghị thứ tư: Loại hình khu bảo tồn do cộng đồng quản lý, “...là một hệ sinh thái tự nhiên hoặc đã bị thay đổi một phần, trong đó chứa đựng các giá trị về đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái và văn hóa địa phương, được người bản địa và cộng đồng địa phương tự nguyện bảo tồn bằng luật tục hoặc bằng các giải pháp quản lý hiệu quả” (IUCN, 2004) cần được công nhận và phân định rõ là một phân loại trong hệ thống rừng đặc dụng.

Lý do: Việc thừa nhận thiết chế khu bảo tồn mới, khu bảo tồn do cộng đồng quản lý trong hệ thống rừng đặc dụng Việt Nam nhằm đảm bảo:

- *Góp phần thực hiện chủ trương huy động nguồn lực ngoài nhà nước trong các hoạt động bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học* cũng như đảm bảo tính công bằng trong tiếp cận và chia sẻ lợi ích từ rừng và tài nguyên rừng giữa các chủ thể liên quan.
- *Hợp thức hóa và thiết lập cơ chế tiếp tục duy trì và phát triển các mô hình bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học đang do cộng đồng quản lý theo tập tục, văn hóa, tín ngưỡng của họ:* Rất nhiều khu rừng thiêng, rừng ma, khu rừng đầu nguồn nước, khu rừng tưởng nhớ các danh nhân được cộng đồng dân cư tự nguyện bảo vệ và sử dụng một cách bền vững thông qua thiết chế tự quản, luật tục đã giúp bảo vệ các khu rừng không bị tàn phá cho đến ngày nay.
- *Giúp mở rộng và phát triển hệ thống rừng đặc dụng Việt Nam:* Việc thừa nhận loại hình khu bảo tồn này có thể giúp Chính phủ giải quyết được vấn đề giữ rừng tự nhiên đã được giao cho cộng đồng và đặc biệt hơn 3.1 triệu ha rừng (1,9 triệu ha rừng tự nhiên và 1,2 triệu ha rừng trồng) đang tạm giao cho UBND xã quản lý. Bên cạnh đó, các diện tích rừng đặc dụng nhỏ, không đủ điều kiện để thành lập Ban quản lý, đang tạm giao cho Hạt kiểm lâm quản lý sẽ được bảo vệ hiệu quả hơn nếu được chuyển sang cho thiết chế do cộng đồng quản lý nhưng có sự giám sát của cơ quan chức năng.
- *Góp phần thực hiện đầy đủ các cam kết và yêu cầu của các công ước quốc tế mà Việt Nam là quốc gia thành viên:* như Công ước Đa dạng Sinh học, Mục tiêu Aichi, Nghị định thư Nagoya, Công ước Khung về Biến đổi Khí hậu hay tuyên bố chung của Liên hợp quốc về quyền của người dân tộc bản địa.

Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung chi tiết tại một số điều, khoản, điểm trong nội dung Dự thảo Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng (Dự thảo số 5) được đính kèm theo bản góp ý này.

Trên đây là toàn bộ các kiến nghị của chúng tôi, một lần nữa chúng tôi rất mong quý cơ quan xem xét để điều chỉnh, bổ sung cho dự thảo nhằm hướng đến mục tiêu xây dựng Luật Bảo vệ Phát triển rừng sửa đổi thực sự có hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu cấp thiết từ cơ sở.

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2017

Trung tâm vì Con người và Rừng (RECOFTC)



Lương Quang Hùng

Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature)



Hoàng Xuân Thủy

Trung tâm vì sự phát triển bền vững miền núi (CSDM)



Lương Thị Trường

PHỤ LỤC

CHI TIẾT CÁC ĐỀ NGHỊ CHỈNH SỬA, BỔ SUNG CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU, KHOẢN, ĐIỂM TRONG DỰ THẢO SỐ 5 CỦA LUẬT BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG SỬA ĐỔI

1. Các điều luật trong dự thảo 5 đề nghị chỉnh sửa, bổ sung:

- Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung cho 15 điều: 3, 4, 5, 7, 9, 10, 19, 21, 34, 46, 62, 66, 77, 79 và 95.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động lâm nghiệp

Điều 5. Phân loại rừng

Điều 7. Các hình thức sở hữu rừng

Điều 9. Những hành vi bị nghiêm cấm

Điều 10. Nguyên tắc lập quy hoạch lâm nghiệp quốc gia

Điều 19. Nguyên tắc giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng

Điều 21. Giao rừng

Điều 34. Quyền chung của chủ rừng

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của cộng đồng dân cư được giao rừng

Điều 62. Phát triển rừng phòng hộ

Điều 66. Khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng

Điều 77. Các loại rừng, đối tượng, hình thức chi trả và quản lý tiền dịch vụ môi trường rừng

Điều 79. Cơ chế, chính sách phát triển chế biến, thương mại lâm sản của Nhà nước

Điều 95. Kiểm lâm

2. Các điều luật trong dự thảo 5 đề nghị gộp lại để thể hiện tính nhất quán:

- Gộp 3 điều 39, 40 và 41 thành 1 điều về **Quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế**

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế được Nhà nước giao rừng phòng hộ

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê rừng sản xuất là rừng trồng

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để trồng rừng.

- Gộp 4 điều 42, 43, 44 và 45 thành 1 điều về **Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân**

Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng phòng hộ

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng sản xuất

Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho thuê rừng sản xuất là rừng trồng

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để trồng rừng

3. Các đề xuất cụ thể kèm theo giải trình:

Lưu ý:

- Các từ gạch ngang, màu đỏ là các từ đề nghị **BỔ**.

- Các từ gạch chân, màu đỏ là các từ đề nghị **BỔ SUNG**.

Đề nghị điều chỉnh	Lý do
<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p>Bổ sung khái niệm "truyền thống quản lý rừng" hoặc "truyền thống quản lý rừng theo luật tục"</p> <p><u>"Truyền thống quản lý rừng là những phong tục, tập quán, hệ thống các quy tắc xử sự về quản lý rừng (bao gồm khai thác, sử dụng, phát triển, xử lý vi phạm, ...) mang tính dân gian, quy định về mối quan hệ ứng xử và thể hiện ý chí của toàn thể cộng đồng, được thực hiện một cách tự giác, theo thói quen, được</u></p>	<p>Theo số liệu thống kê, Việt Nam có trên 13 triệu người là đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), chủ yếu sinh sống ở vùng rừng núi. Rừng đối với họ ngoài giá trị về mặt sinh kế còn mang các giá trị văn hóa, xã hội, môi trường, tâm linh, tín ngưỡng và cả giá trị an ninh quốc phòng. Nếu đình chùa, miếu mạo là không gian thờ cúng của người Kinh thì các khu rừng tâm linh cũng có ý nghĩa tương tự đối với các cộng đồng DTTS. Đề điều chỉnh các mối quan hệ ứng xử của con người với môi trường tự nhiên và giữa các thành viên bên trong và ngoài cộng đồng, một hệ thống các quy tắc xử mang tính dân gian, quy định về mối quan hệ ứng xử và thể hiện ý chí của toàn thể cộng đồng, được thực hiện một cách tự giác, theo thói quen, nhưng vẫn có tính bắt buộc đã được các cộng đồng dân tộc xây dựng và thực thi từ ngàn đời nay. Tất cả kinh nghiệm, quy định đó của họ được gọi là tri thức truyền thống và luật tục và nó được thể hiện rõ nhất trong việc quản lý và sử dụng rừng của tất cả các cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Các tri thức truyền thống đều hướng đến một mục đích đảm bảo quyền lợi của tất cả cộng đồng và đặc biệt là đảm bảo nguồn tài nguyên rừng được quản lý và sử dụng một cách hài hoà, bền vững không khai thác quá mức, do vậy, dù đã sống với rừng hàng ngàn năm, sự cân bằng sinh thái ở miền núi vẫn được người dân duy trì.</p>

Đề nghị điều chỉnh	Lý do
<p><u>các cộng đồng dân tộc xây dựng và thực thi từ bao đời nay.</u></p>	<p>Thực tế chứng minh rằng, ở một số vùng dân tộc thiểu số luật tục được gìn giữ, khi kết hợp với luật pháp, sẽ trở thành công cụ bảo vệ rừng cũng như trật tự xã hội rất hiệu quả. Chính vì, cần luật hóa khái niệm “truyền thống quản lý rừng” làm cơ sở thúc đẩy và phát huy những tri thức truyền thống và luật tục tốt của đồng bào dân tộc thiểu số vào công tác quản lý rừng bền vững.</p> <p>Đặc biệt, việc bổ sung khái niệm này cũng đồng bộ với các luật khác đã được thông qua như Luật Đất đai năm 2013 (có ít nhất 5 điều: 10, 27, 110, 133 và 192 liên quan trực tiếp đến người DTTS), và dự thảo Luật Phát triển vùng dân tộc thiểu số đang được Quốc Hội xem xét thông qua.</p> <p>Ngoài ra, việc đưa khái niệm “truyền thống quản lý rừng” vào trong Luật BVPTTR sẽ là một trong những bằng chứng cho việc Việt Nam thực thi các cam kết và nghĩa vụ quốc tế mà Việt Nam đã tham gia trong việc tôn trọng và đảm bảo kiến thức truyền thống của người dân địa phương bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tuyên bố chung của LHQ về quyền của người bản địa (UNDRIP), theo đó kêu gọi các bên ký kết tôn trọng các tri thức và quyền truyền thống của người dân bản địa; • Quyết định 01/CP16 của UNFCCC tại Cancun năm 2010 yêu cầu các bên tham gia UNFCCC phải đảm bảo 7 biện pháp đảm bảo an toàn khi thực thi REDD+, trong đó biện pháp thứ 3 yêu cầu tôn trọng và đảm bảo tri thức bản địa và quyền của các dân tộc bản địa và người dân địa phương; • Hướng dẫn tự nguyện về quản trị có trách nhiệm đối với quyền sở hữu đất đai, ngư trường và rừng trong bối cảnh an ninh lương thực quốc gia (VGGT) kêu gọi các quốc gia ký kết cần công nhận đất, ngư trường và rừng có giá trị về mặt xã hội, văn hóa, tinh thần, kinh tế, môi trường và chính trị đối với người dân bản địa và các cộng đồng khác có hệ thống sở hữu theo luật tục; và • Công ước Đa dạng sinh học và Mục tiêu Aichi “Đến năm 2020, tri thức truyền thống, sáng kiến và thực hành của người bản địa/dân tộc thiểu số phù hợp với mục tiêu bảo tồn, sử dụng bền vững đa dạng sinh học và việc sử dụng luật tục của họ, phải được tôn trọng, là đối tượng cho khung pháp lý của quốc gia, cam kết quốc tế và được tích hợp, phản ánh một cách đầy đủ trong việc thực thi Công ước với sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của người bản địa và cộng đồng địa phương ở mọi cấp”.

Đề nghị điều chỉnh	Lý do
<p>Điều 4. Nguyên tắc hoạt động lâm nghiệp</p> <p>Bổ sung nguyên tắc</p> <p><u>Đảm bảo công nhân, kế thừa và phát huy và kế thừa các truyền thống quản lý rừng theo luật tục, gắn liền công tác quản lý, bảo vệ rừng với bảo tồn bản sắc văn hóa và tri thức truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số.</u></p>	<p>Lý do như trên.</p>
<p>Điều 5. Phân loại rừng</p> <p>1. Rừng đặc dụng sử dụng chủ yếu để bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, nguồn gen sinh vật rừng, nghiên cứu khoa học, bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh kết hợp du lịch, nghỉ dưỡng, gồm:</p> <p><i>Chỉnh sửa điểm (d):</i></p> <p>d) Khu bảo vệ cảnh quan gắn với bảo vệ môi trường đô thị, khu công nghiệp; bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, tín ngưỡng;</p> <p><i>Bổ sung thêm điểm (e) về loại hình khu bảo tồn cộng đồng:</i></p> <p><u>e) Khu bảo tồn do cộng đồng quản lý gắn liền việc bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo tồn bản sắc văn</u></p>	<p>Từ năm 2004, nhận thấy vai trò to lớn của các khu vực tài nguyên (gồm đất, nước, rừng) do cộng đồng đồng bào quản lý bằng thiết chế tự nguyện thông qua luật tục truyền thống đối với bảo tồn và văn hoá, Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên thế giới đã chính thức công nhận và đưa ra khái niệm khu bảo tồn cộng đồng quản lý. Đặc trưng của các khu này là (i) tài nguyên (đất, nước rừng hoặc tài nguyên rừng, thủy sản) có giá trị về mặt văn hoá, tinh thần hoặc sử dụng của cộng đồng dân cư; (ii) cộng đồng tự nguyện và có năng lực quản lý khu vực có chứa đựng tài nguyên đó; và (iii) các quyết định và thực hành của cộng đồng đối với tài nguyên mang lại lợi ích cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học. Cho đến nay, trên toàn thế giới đã có trên hơn 2000 khu được ghi nhận, có diện tích chiếm đến 1% tổng diện tích các khu bảo tồn phạm vi toàn cầu và đang tiếp tục được khuyến khích hỗ trợ mở rộng.</p> <p>Đối chiếu với những đặc trưng trên đây để rà soát sơ bộ, kết quả cho thấy tại Việt Nam vẫn còn tồn tại rất nhiều các khu vực có thể được coi là các khu bảo tồn cộng đồng quản lý. Các khu rừng được cộng đồng bảo vệ và sử dụng thông qua luật tục và tri thức truyền thống của họ với nhiều mục đích khác nhau, chúng bao gồm: nơi thờ cúng thần linh như thần núi, thần rừng, thần nước, nơi tưởng nhớ, ghi nhớ người có công hoặc là nơi khai thác, sử dụng chung của cộng đồng dân cư. Mặc dù mục tiêu ban đầu hay động lực để cộng đồng tự nguyện bảo vệ các khu tài nguyên này không phải là bảo tồn, nhưng việc tuân thủ nghiêm ngặt các luật tục và tri thức truyền thống như: cấm hoặc hạn chế săn bắt, cấm xâm hại vào các khu vực cụ thể, khai thác có kiểm soát hoặc phải đền bù và thay thế khi xâm hại, phạt nặng đối tượng vi phạm đối với tài</p>

Đề nghị điều chỉnh	Lý do
<p><u>hóa, luật tục và tri thức truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số, đặc biệt là các rừng tâm linh, tín ngưỡng.</u></p>	<p>nguyên, mà các tài nguyên thiên nhiên trong khu vực được duy trì và phát triển một cách bền vững không bị suy giảm hay mất đi.</p> <p>Cũng theo rà soát tài liệu, đã xác định được 21 khu rừng đang được cộng đồng dân cư địa phương tự nguyện quản lý theo luật tục và tri thức truyền thống tại 17 tỉnh, gồm Sơn La, Lào Cai, Hà Giang, Yên Bái, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Bắc Cạn, Bắc Giang, Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Kon Tum, Đắk Lắk, và Gia Lai. Những khu này có thể được giao cho cộng đồng, nhưng cũng có thể đã giao cho các chủ rừng, như công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng phòng hộ, thậm chí là rừng đặc dụng với diện tích mỗi khu lên đến hàng trăm hecta. Điển hình như rừng thiêng Cư H' Lăm (thuộc Thị trấn Ea Pôk, Cư M'Ga, Đắk Lắk) rộng trên 20ha nằm trong diện tích đất được giao cho Công ty Cà Phê Ea Pôk làm chủ sở hữu nhưng lại do 5 cộng đồng bon người Ê-Đê bảo vệ không cho chuyển đổi thành đất canh tác thông qua câu chuyện truyền thuyết về rừng thiêng, hay khu rừng Đại tướng Võ Nguyên Giáp rộng trên 200ha nằm trên địa bàn xã Gia Phú, huyện Phù Yên (tỉnh Sơn La) do cộng đồng đồng bào dân tộc Mường bảo vệ với mục đích tỏ lòng biết ơn của họ với vị Tướng tài của dân tộc; Khu rừng cộng đồng Đắk Sao rộng hơn 460ha thuộc địa bàn xã Đak Ring, huyện KonPlong, Kon Tum do đồng bào người dân tộc Ca Dong sử dụng làm nơi thờ cúng và tổ chức các lễ hội; rừng Bản Cáo rộng 223ha của cộng đồng dân tộc Mã Liềng ở xã Lâm Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình. Ngoài ra; trong thời gian gần đây, ở nhiều nơi các hộ được giao rừng tự nhiên còn tự nguyện trao trả rừng lại cho cộng đồng thôn bản quản lý do họ khó khăn trong việc giải quyết xung đột, vi phạm xâm hại đến rừng và đảm bảo quyền lợi công bằng cho các hộ trong thôn bản từ nhận chi trả cho dịch vụ môi trường rừng, điển hình như rừng cộng đồng bản Pa Cốp, xã Vân Hồ, Huyện Vân Hồ tỉnh Sơn La.</p> <p>Việc thừa nhận các khu bảo tồn cộng đồng quản lý vừa phù hợp với các chính sách về lâm nghiệp, bảo tồn, cam kết quốc tế cũng như giảm được gánh nặng đầu tư bảo vệ rừng từ ngân sách nhà nước và đảm bảo công bằng xã hội. Những lợi ích cho Chính phủ Việt Nam từ việc thể chế hoá loại hình khu bảo tồn này cụ thể như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phù hợp với chiến lược phát triển lâm nghiệp và bảo tồn đa dạng sinh học của Việt Nam về thúc đẩy nhanh mạnh xã hội hoá, thu hút đầu tư vào bảo vệ và phát triển rừng, đặc biệt là chiến lược quản lý rừng đặc dụng và khu bảo tồn của Việt Nam. 2. Nâng cao diện tích rừng đặc dụng của Việt Nam với chi phí thấp, giảm ngân sách quốc gia trong bảo vệ và phát triển rừng. Hiện nay rừng đặc dụng của Việt Nam mới đạt diện tích là trên 2,1 triệu hecta,

Đề nghị điều chỉnh	Lý do
	<p>đạt tỷ lệ là 6,4% tổng diện tích lãnh thổ trên cạn. Tỷ lệ này mới chỉ đạt hơn 70% so với mục tiêu 9% đề ra trong chiến lược quản lý khu bảo tồn và rừng đặc dụng ở Việt Nam (Quyết định số 128/QĐ-TTg ngày 8/1/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng huyện ba vì, thành phố hà nội giai đoạn 2012 - 2020”; thấp hơn rất nhiều so với trung bình chung của thế giới là 15% và 17% theo mục tiêu Aichi trong khuôn khổ thực hiện Công ước Đa dạng sinh học mà Việt Nam là thành viên chính thức.</p> <p>3. Có thể là một lựa chọn để giải quyết khó khăn trong quản lý rừng tự nhiên hiện đang tạm giao và giao cho UBND xã và cộng đồng quản lý và các khu rừng đặc dụng không đủ tiêu chí thành lập ban quản lý rừng. Hiện nay, UBND xã đang được tạm giao quản lý khoảng 1,9 triệu héc-ta rừng tự nhiên. Tuy nhiên, do nguồn lực con người và tài chính rất thiếu, hạn chế nên không thể quản lý tốt được một diện tích rừng tự nhiên này. Việc giao cho cộng đồng và khuyến khích các luật tục và tri thức truyền thống của họ trong quản lý diện tích này sẽ giúp rừng được bảo vệ và duy trì các giá trị văn hoá của cộng đồng địa phương, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, hiện nay có khoảng trên 10.000 cộng đồng đang được giao quản lý khoảng 1.062.000 héc-ta rừng tự nhiên trong bối cảnh Chính phủ đã có chủ trương dừng khai thác rừng tự nhiên, thì việc thúc đẩy thành lập các khu rừng này cũng là một điều hợp lý. Đặc biệt quan trọng hơn là các khu rừng đặc dụng có diện tích ít hơn 5.000 héc-ta mỗi khu không đủ điều kiện thành lập ban quản lý khu bảo tồn và được giao cho các hạt kiểm lâm cơ sở quản lý. Cũng tương tự như các UBND xã, lực lượng của Hạt kiểm lâm cũng rất ít không đủ để bám sát địa bàn quản lý, trong khi cộng đồng địa phương không được coi là chủ rừng sẽ rất khó khăn để bảo vệ được các khu rừng này.</p>
<p>Điều 7. Các hình thức sở hữu rừng</p> <p>Bổ sung đối tượng rừng được sở hữu trong khoản 2</p> <p>2. Rừng sở hữu của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư:</p> <p><u>“Rừng tự nhiên được phục hồi do tự đầu tư khoan nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung hoặc tự đầu tư làm giàu rừng bằng việc trồng cây bản</u></p>	<p>Thực tế, nhiều cộng đồng dân cư đã chứng tỏ truyền thống quản lý rừng qua nhiều thập kỷ, thậm chí thế kỷ nay. Người dân tự bỏ tiền của, công sức để bảo vệ các khu rừng ngay cạnh nơi ở của họ cho mục đích kinh tế, sinh thái và môi trường chung. Các diện tích này cần được xem là rừng sở hữu chung của cả cộng đồng. Nhiều cộng đồng ở Sơn La như bản Lay, bản Thăm, ở Thừa Thiên Huế như làng Phò Trạch, người dân từ bao đời nay tự bỏ công sức và tiền của để bảo vệ các khu rừng ngay cạnh nơi ở của họ nhằm mục đích bảo vệ nguồn nước. Các diện tích này cần được xem là rừng sở hữu chung của cả cộng đồng.</p> <p>Ngoài ra, tất cả cộng đồng của các thôn ở xã Hạnh Sơn, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đều phải đóng góp tiền để cho 2 cộng đồng bản Lò Gạch và bản Tào bảo vệ khu rừng của hai bản này để bảo vệ nguồn nước cho cả xã.</p>

Đề nghị điều chỉnh	Lý do
<p><u>địa trên diện tích không còn rừng có nguồn gốc là rừng tự nhiên</u></p> <p><u>“Rừng văn hóa, tâm linh, tín ngưỡng, rừng được cộng đồng tự đầu tư công sức quản lý theo luật tục và tri thức truyền thống”</u></p>	<p>Thêm vào đó, nhiều khu rừng giao cho hộ gia đình và cá nhân là rừng nghèo kiệt sau khai thác, chưa có rừng hoặc có những đám rừng rải rác, không tập trung. Tuy nhiên, sau một thời gian được các chủ rừng bỏ công sức và tiền của để xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung hoặc tự đầu tư làm giàu rừng bằng việc trồng rừng cây bản địa nên sau đó đã trở thành rừng tự nhiên. Vì vậy rừng trồng do hộ gia đình và cá nhân tự đầu tư và tự nhiên được phục hồi do tác động của hộ gia đình và cá nhân sau khi giao cần được coi là tài sản thuộc sở hữu của họ.</p> <p>Ngoài ra, như đề cập ở trên Quyết định 01/CP16 của UNFCCC tại Cancun năm 2010 yêu cầu Việt Nam phải đảm bảo 7 biện pháp đảm bảo an toàn khi thực thi REDD+, trong đó biện pháp đảm bảo an toàn thứ 3 yêu cầu tôn trọng và đảm bảo tri thức truyền thống và quyền của người dân địa phương. Việc công nhận rừng văn hóa, tín ngưỡng hay rừng được cộng đồng quản lý theo truyền thống là rừng thuộc sở hữu chung của cộng đồng là một trong những bằng chứng cho việc Việt Nam tôn trọng và đảm bảo quyền truyền thống của người dân địa phương.</p>
<p>Điều 9. Những hành vi bị nghiêm cấm</p> <p>Bổ sung thêm khoản 8:</p> <p>8. Nghiêm cấm hành vi phân biệt giới tính, dân tộc, tôn giáo trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng</p>	<p>Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, phụ nữ đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia thực hiện hầu hết các hoạt động trong gia đình và cộng đồng dân cư như các hoạt động chăm sóc giáo dục con cái, thu hái lâm sản, làm nương rẫy, bảo vệ nguồn nước, chăn thả, hội họp.... Vì vậy, nếu biết tận dụng và khuyến khích cũng như tạo cơ hội tăng cường năng lực cho họ tham gia đầy đủ và hoạt động lâm nghiệp sẽ giúp tăng cao hiệu quả quản lý và sử dụng rừng bền vững.</p> <p>Đối với vấn đề dân tộc và tôn giáo, pháp luật Việt Nam (luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Tài nguyên nước, Luật Đa dạng Sinh học) đều quy định việc tôn trọng tự do tôn giáo cũng đề cao bản sắc văn hoá dân tộc, đặc biệt, quốc hội cũng đang xem xét thông quan dự thảo Luật Phát triển vùng dân tộc thiểu số. Ngoài ra, như đề cập ở trên thì phần lớn người dân tộc thiểu số đang sống gần và dựa vào rừng, cuộc sống sản xuất, sinh hoạt văn hoá và tinh thần của họ đều gắn liền với rừng và tài nguyên rừng. Vì vậy, mọi hành vi phân biệt dân tộc và tôn giáo trong quản lý và sử dụng rừng cần phải được nghiêm cấm.</p>

Đề nghị điều chỉnh	Lý do
<p>Điều 10. Nguyên tắc lập quy hoạch lâm nghiệp quốc gia.</p> <p>Bổ sung thêm ý khoản 3:</p> <p>3. Đảm bảo sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cur địa phương, đặc biệt ưu tiên người dân tộc thiểu số và phụ nữ; đảm bảo công khai, minh bạch và thông tin đầy đủ.</p>	<p>Cộng đồng dân cư địa phương cần phải được tạo điều kiện và cung cấp đầy đủ thông tin để họ tham gia một cách hiệu quả vào việc lập quy hoạch nghiệp quốc gia. Tránh tình trạng những người có quyền lợi hoặc bị ảnh hưởng trực tiếp đối với hoạt động lại không được thông tin đầy đủ và kịp thời, gây nên những xung đột phát sinh khi thực hiện theo quy hoạch.</p>
<p>Điều 19. Nguyên tắc giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng</p> <p>Bổ sung thêm các nguyên tắc quản lý rừng bền vững sau</p> <p><u>3. Đảm bảo hộ gia đình, cộng đồng dân cư, đặc biệt là người dân và phụ nữ dân tộc thiểu số có truyền thống quản lý rừng tốt được giao rừng và được thuê rừng gắn với quyền sử dụng đất để bảo tồn bản sắc văn hóa gắn với phong tục, tập quán của cộng đồng các dân tộc thiểu số.</u></p>	<p>Phụ nữ nhiều dân tộc được đánh giá cao trong việc bảo vệ rừng, bảo vệ cuộc sống ấm no hạnh phúc cho dân làng và họ cũng được tôn trọng như các thần. Người Hà Nhì thờ nữ thần “Mu thu do” ở phía cuối làng. Nữ thần “Mu thu do” được cúng tế để phù hộ cho thôn bản, mùa màng tốt tươi, gia súc phát triển, con cháu đầy đàn, khỏe mạnh. Nhiều ngọn núi, nguồn nước của người Thái, Mường mang tên các vị thần nữ và kèm theo đó là những truyền thuyết đẹp về những người phụ nữ có công với bản làng. Phụ nữ dân tộc (ví dụ như người Nùng, Tày ở Lạng Sơn và Cao Bằng) là người quyết định chọn khu rừng nào để làm vườn rừng và họ còn quyết định sử dụng kỹ thuật nào để trồng loại cây đó ví dụ trồng xen canh các loại cây sắn, lúa nương, ngô, lạc đỗ và một số loại cây ngắn ngày. Hàng năm sau mỗi mùa vụ việc dọn dẹp nương, chọn giống cho năm sau đều do người phụ nữ đảm nhiệm là chính. Phụ nữ người DTTS có vai trò quan trọng trong bảo vệ và phát triển rừng. Họ là người truyền dạy tri thức truyền thống cũng như giá trị của rừng cho cộng đồng và cho con cháu; họ biết cách sử dụng đất rừng tốt nhất cho sinh kế bền vững; bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn gien cho rừng, sông suối; tuyên truyền những kiến thức mới, kinh nghiệm bảo vệ</p>

Đề nghị điều chỉnh	Lý do
<p><u>4. Đảm bảo người dân tại địa phương, đặc biệt là người dân và phụ nữ dân tộc thiểu số và các bên liên quan “được biết, được bàn, được làm và được kiểm tra” và đảm bảo công khai, minh bạch trong quá trình giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng.</u></p>	<p>và phát triển rừng; mở rộng địa bàn/phát tán các loại cây mới/giống mới và là người lưu truyền bảo vệ nguồn dược liệu từ rừng.</p> <p>Tại Đại hội lần thứ XII của Đảng đã chỉ rõ: “Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích cuộc sống của nhân dân”. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân chính là thể hiện tư tưởng “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Vì thế, “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” không chỉ là phương châm thực hiện chủ trương, đường lối mà phải trở thành một định chế và quyền làm chủ của nhân dân trong quản lý nhà nước xã hội chủ nghĩa.</p>
<p>Điều 21. Giao rừng</p> <p>Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng cho các đối tượng sau:</p> <p>1. Rừng đặc dụng</p> <p><u>e) Khu bảo tồn công đồng quản lý để bảo tồn bản sắc văn hóa gắn với phong tục, tập quán của công đồng các dân tộc thiểu số; rừng tâm linh, tín ngưỡng”</u></p>	<p>Như trên</p>
<p>Điều 34. Quyền chung của chủ rừng</p> <p>1. Được sản xuất lâm nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp kết hợp theo quy chế quản lý rừng; được hưởng lợi dịch vụ môi trường rừng theo chính sách của Nhà nước; <u>được liên kết để sản xuất, kinh doanh hoặc phát triển du lịch sinh</u></p>	<p>Việc thúc đẩy kinh tế hợp tác và liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm trong lâm nghiệp càng trở nên quan trọng và cấp thiết khi hiện nay, ngành lâm nghiệp đang triển khai thực hiện “Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp” và cùng với nó là hàng loạt các kế hoạch hành động có liên quan về (i) Đề án thực hiện Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng giai đoạn 2016-2020; (ii) Kế hoạch hành động nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng sản xuất giai đoạn 2014-2020; (iii) Kế hoạch hành động về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng giai đoạn 2015-2020; (iv) Kế hoạch hành động Nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến giai đoạn 2014-2020; (v) Kế hoạch hành động phát triển thị trường gỗ và sản phẩm gỗ giai đoạn 2014-2020; và đặc biệt là (vi) Kế hoạch Phát triển kinh tế hợp tác và liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm trong lâm nghiệp giai đoạn 2014 - 2020. Ngoài ra, trên phương diện quốc tế, Việt Nam đã ký và</p>

Đề nghị điều chỉnh	Lý do
<p><u>thái, nghiên cứu, đào tạo tùy theo quy chế quản lý của từng loại rừng.</u></p> <p>Bổ sung thêm khoản 7</p> <p>7. Tiếp cận thông tin về rừng được giao và thực hiện giám sát việc thực hiện luật</p>	<p>đang đàm phán một loạt Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA) cũng như Hiệp định đối tác tự nguyện VPA/FLEGT về thực thi lâm luật, quản trị rừng và thương mại lâm sản trong thời gian tới vốn sẽ có tác động trực tiếp và gián tiếp đến người dân đang quản lý, sản xuất và kinh doanh lâm nghiệp.</p> <p>Trong bối cảnh đó, việc bổ sung quyền “được liên kết để sản xuất, kinh doanh hoặc phát triển du lịch sinh thái, nghiên cứu, đào tạo tùy theo quy chế quản lý của từng loại rừng” cho các chủ rừng là một việc làm cần thiết, đáp ứng được nhu cầu cấp thiết ở cơ sở.</p>
<p>Đề nghị gộp 3 điều 39, 40 và 41 sau thành 1 điều để nhất quán với các chủ rừng khác:</p> <p>Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế được Nhà nước giao rừng phòng hộ</p> <p>Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê rừng sản xuất là rừng trồng</p> <p>Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để trồng rừng</p>	<p>Tổ chức kinh tế cũng chỉ là các chủ rừng như các chủ rừng khác. Vì thế, ngoài điều Điều 34. Quyền chung của chủ rừng và Điều 35. Nghĩa vụ chung của chủ rừng, mỗi chủ rừng chỉ cần quy định thêm một điều là đủ. Điều này vừa thể hiện tính nhất quán, vừa không gây ra sự hiểu nhầm về việc phân biệt đối xử giữa các chủ rừng. Thêm vào đó, từng loại rừng đã có quy chế quản lý riêng, các chủ rừng được giao, cho thuê loại rừng nào sẽ phải tuân thủ quy chế của loại rừng đó.</p>
<p>Đề nghị gộp 4 điều 42, 43, 44 và 45 sau thành 1 điều để nhất quán với các chủ rừng khác:</p>	<p>Hộ gia đình, cá nhân cũng chỉ là các chủ rừng như các chủ rừng khác. Vì thế, ngoài điều Điều 34. Quyền chung của chủ rừng và Điều 35. Nghĩa vụ chung của chủ rừng, mỗi chủ rừng chỉ cần quy định thêm một điều là đủ. Điều này vừa thể hiện tính nhất quán, vừa không gây ra sự hiểu nhầm về việc phân biệt đối xử giữa các chủ rừng. Thêm vào đó, từng loại rừng đã có quy chế quản lý riêng, các chủ rừng được giao, cho thuê loại rừng nào sẽ phải tuân thủ quy chế của loại rừng đó.</p>

Đề nghị điều chỉnh	Lý do
<p>Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng phòng hộ</p> <p>Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng sản xuất</p> <p>Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho thuê rừng sản xuất là rừng trồng</p> <p>Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để trồng rừng</p>	
<p>Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của cộng đồng dân cư được giao rừng</p> <p>1. Quyền</p> <p>Điều chỉnh, bổ sung điểm b:</p> <p>b) Được <u>ngân sách</u> Nhà nước <u>đầu tư bảo-đảm-kinh-phí</u> bảo vệ <u>và phát triển</u> rừng phòng hộ, rừng đặc dụng giao cho cộng đồng dân cư.</p>	<p>Cộng đồng dân cư cũng là một chủ rừng như các chủ rừng khác. Vì thế, họ cần có các quyền tương tự như chủ rừng là ban quản lý rừng đặc dụng và rừng phòng hộ được quy định tại khoản b, điều 36 và khoản b điều 37, trong đó có ghi “<i>Được ngân sách nhà nước đầu tư bảo vệ và phát triển rừng</i>”</p> <p>Hơn nữa, cộng đồng bảo vệ và phát triển rừng cần được bù đắp những lợi ích bị mất đi do bảo vệ rừng. Việc bảo vệ và phát triển rừng đem lại lợi ích cho cả cộng đồng, cả quốc gia và quốc tế. Vì vậy, quốc gia và quốc tế phải có trách nhiệm bù đắp lại cho người bảo vệ và phát triển rừng lợi ích kinh tế bị mất khi họ tham gia bảo vệ và phát triển rừng. Đời sống vật chất của họ phải được đảm bảo bền vững khi họ làm tốt việc bảo vệ và phát triển rừng.</p>

Đề nghị điều chỉnh	Lý do
<p>Bổ sung điểm e</p> <p>e) <u>Được góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng rừng.</u></p> <p>2. Nghĩa vụ</p> <p>Bổ một số từ của điểm c</p> <p>c) Đảm bảo duy trì diện tích rừng của cộng đồng; không được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng rừng.</p>	<p>Thực tế ở rất nhiều địa phương, cộng đồng chỉ được giao những khu rừng nghèo đã bị khai thác cạn kiệt. Để đầu tư sức lao động dài hạn vào rừng cộng đồng trước khi những lợi ích vật chất có thể được khai thác, người dân cần được thế chấp, cho thuê, hoặc góp vốn kinh doanh từ rừng được giao. Một khi không có các quyền đó, người dân đã không thể huy động được vốn để đầu tư vào rừng và do đó không thể nhìn thấy bất kỳ phương án kinh tế khả thi nào để duy trì khu rừng cộng đồng của họ.</p> <p>Tình trạng này, cùng với việc quyền khai thác bị hạn chế, đã làm người dân mất đi động lực bảo vệ rừng. Vì thế, họ đã bỏ bê việc quản lý khu rừng của họ hoặc quyết định trả lại rừng được giao cho nhà nước. Trong nhiều trường hợp, người dân thậm chí trở thành những người khai thác trộm ngay trong khu rừng mà họ đang quản lý.</p>
<p>Điều 62. Phát triển rừng phòng hộ</p> <p>1. Rừng phòng hộ đầu nguồn</p> <p>Bổ sung thêm ý cho điểm b</p> <p>b) Được áp dụng biện pháp bảo vệ, kết hợp khoanh nuôi tái sinh tự nhiên với làm giàu rừng; trồng rừng ở những nơi đất trống, không có khả năng tái sinh tự nhiên thành rừng; <u>ứng dụng các tri thức truyền thống</u> trồng hỗn giao nhiều loài cây bản địa, các loài cây đa tác dụng, cây lâm sản ngoài gỗ.</p>	<p>Lý do như đã giải thích ở các điều bên trên</p>
<p>Điều 66. Khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng</p>	

Đề nghị điều chỉnh	Lý do
<p>d) Đối với rừng tín ngưỡng do cộng đồng dân cư, đặc biệt người dân tộc thiểu số quản lý thì được khai thác theo quy ước quản lý bảo vệ rừng cộng đồng được tận thu cây gỗ đã chết, cây gãy đổ, thực vật rừng, lâm sản ngoài gỗ; khai thác gỗ phục vụ mục đích tâm linh tín ngưỡng của cộng đồng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>6. Người dân sống trong khu rừng đặc dụng được thu hái lâm sản phụ trong phân khu phục hồi rừng cho nhu cầu hàng ngày theo quy chế giữa ban quản lý khu rừng đặc dụng đó với cộng đồng dân cư tại chỗ.</p>	<p>Thực tế ở rất nhiều nơi, rừng tâm linh, tín ngưỡng của cộng đồng dân cư được bảo vệ nghiêm ngặt mà không cho phép các thành viên trong cộng đồng có bất cứ tác động nào vào rừng, trừ rất ít trường hợp cho phép thu nhặt củi khô. Vì thế, không nên có quy định cho phép tận thu hoặc khai thác đối với loại rừng này. Thay vào đó, chỉ cần quy định việc khai thác lâm sản trong rừng tín ngưỡng sẽ tuân theo quy ước, hương ước của cộng đồng là đủ.</p> <p>Hiện tại ở một số Vườn quốc gia và Khu BTTN có các cộng đồng dân cư đang sống trong vùng lõi. Họ cần được phép thu hái lâm sản phụ trong phân khu phục hồi rừng cho nhu cầu hàng ngày theo quy chế giữa ban quản lý khu rừng đặc dụng đó với cộng đồng dân cư tại chỗ.</p>
<p>Điều 77. Các loại rừng, đối tượng, hình thức chi trả và quản lý tiền dịch vụ môi trường rừng</p> <p>4. Hình thức chi trả dịch vụ môi trường rừng</p> <p>Bổ sung thêm ý cho điểm b</p> <p>b) Nhà nước khuyến khích áp dụng hình thức chi trả trực tiếp cho tất cả các trường hợp, đặc biệt là cho người dân tộc thiểu số nếu bên cung ứng và bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng tự thỏa thuận được mức tiền chi trả.</p>	<p>Lý do như đã giải thích ở các điều bên trên</p>

Đề nghị điều chỉnh	Lý do
<p>Điều 79. Cơ chế, chính sách phát triển chế biến, thương mại lâm sản của Nhà nước</p> <p>Bổ sung thêm ý và điều chỉnh khoản 1</p> <p>1. <u>Nhà nước có cơ chế tín dụng ưu đãi cho các cộng đồng và hộ gia đình, đặc biệt ưu tiên cho người dân và phụ nữ dân tộc thiểu số liên kết trồng rừng theo hướng gỗ lớn và gỗ có chứng chỉ, đặc biệt cho các năm ở cuối chu kỳ, cơ chế đất đai, chính sách thuế, phí. Ưu tiên hình thành những cơ sở chế biến lâm sản ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường.</u></p> <p>Bổ sung thêm khoản 5</p> <p><u>5. Nhà nước có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đứng ra làm đầu mối liên kết với các cộng đồng và hộ gia đình, đặc biệt là người dân và phụ nữ dân tộc thiểu số trồng rừng theo hướng gỗ lớn và gỗ có chứng chỉ.</u></p>	<p>Như đã được đề cập ở những phần trước, cộng đồng và hộ gia đình đang quản lý đến 46,21% diện tích rừng trồng của cả nước, cho thấy tiềm năng đóng góp to lớn và quan trọng của các chủ rừng này đối với ngành kinh tế lâm nghiệp, đặc biệt trong việc trồng rừng gỗ lớn hướng đến rừng trồng có chứng chỉ. Tuy nhiên, so với các chủ rừng khác, các cộng đồng và hộ gia đình không được đào tạo, tập huấn bài bản như các chủ rừng khác, tiềm lực kinh tế để đầu tư cho việc liên kết trồng rừng theo hướng gỗ lớn và gỗ có chứng chỉ là rất hạn chế. Để lực lượng chủ rừng này thực sự phát huy hết tiềm năng và thế mạnh của mình rất cần các cơ chế chính sách cụ thể của nhà nước ưu tiên cho họ, cả về cơ chế tín dụng ưu đãi, đặc biệt cho các năm ở cuối chu kỳ trồng rừng cũng như các chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ phát triển thị trường; ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ và phát triển thị trường lâm sản nội địa, quốc tế.</p> <p>Để có thể tạo ra các liên kết dọc giữa các cộng đồng và hộ gia đình trồng rừng theo hướng gỗ lớn và gỗ có chứng chỉ, vai trò của các doanh nghiệp kinh doanh và chế biến gỗ là rất quan trọng. Việc nhà nước có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp sẽ tạo ra động lực để các doanh nghiệp này chủ động và tích cực liên kết với các cộng đồng và hộ gia đình trồng rừng.</p>
<p>Điều 95. Kiểm lâm</p> <p>1. Chức năng</p> <p>Kiểm lâm là tổ chức có chức năng bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm</p>	

Đề nghị điều chỉnh	Lý do
<p> nghiệp; trực tiếp bảo vệ rừng thuộc sở hữu toàn dân ở nơi Nhà nước chưa giao, chưa cho thuê và ở những khu rừng đặc dụng, phòng hộ quan trọng; tổ chức, hướng dẫn hoạt động đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn hành vi xâm hại rừng; là lực lượng chuyên ngành phòng cháy, chữa cháy rừng. </p> <p>2. Nhiệm vụ</p> <p> <u>Cơ quan kiểm lâm các cấp là cơ quan đầu mối về lâm nghiệp công đồng, kiểm lâm địa bàn có trách nhiệm hướng dẫn và hỗ trợ các cộng đồng địa phương trong việc bảo vệ và phát triển khu rừng được giao.</u> </p>	<p> Để tất cả các khu rừng thực sự có chủ thì các khu rừng thuộc sở hữu toàn dân ở nơi Nhà nước chưa giao, chưa cho thuê và ở những khu rừng đặc dụng, phòng hộ quan trọng cần được giao cho các chủ rừng liên quan. Cơ quan Kiểm lâm là đơn vị thực thi pháp luật, không thể đóng vai trò của một chủ rừng. </p> <p> Phù hợp với quyết định 01/QĐ-TCLN-VP ngày 06/01/2016 của TCLN về việc giao Cục Kiểm lâm làm cơ quan đầu mối thực hiện chức năng về quản lý rừng cộng đồng cũng như đáp ứng nhu cầu trong thực tiễn. Tuy nhiên, trách nhiệm này chưa được quy định cho các đơn vị kiểm lâm ở các cấp khác nhau và cho kiểm lâm viên địa bàn (những người tiếp xúc trực tiếp với cộng đồng). Việc quy định rõ ràng trách nhiệm này trong Luật BVPTTR sẽ giúp cơ cấu thực thi, hỗ trợ LNCD tại hiện trường rõ ràng hơn. </p>